

Số: 978 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 27 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy nước Vĩnh An, công suất 10.000 m³/ngày.đêm” của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai tại thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 7960/STNMT-MT ngày 29 tháng 8 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Nhà máy nước Vĩnh An, công suất 10.000 m³/ngày.đêm” của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 53/TTr-SNNMT ngày 21 tháng 3 năm 2025 về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy nước Vĩnh An, công suất 10.000 m³/ngày.đêm” của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai tại thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy nước Vĩnh An, công suất 10.000m³/ngày.đêm” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND huyện Vĩnh Cửu;
- UBND thị trấn Vĩnh An;
- Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai;
- Cổng thông tin điện tử UBND tỉnh (công khai);
- Lưu: VT, KTN, Thu. 

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Hoàng



PHỤ LỤC

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DỰ ÁN
“Nhà máy nước Vĩnh An, công suất 10.000m³/ngày.đêm” của Công ty
Cổ phần Cấp nước Đồng Nai tại thị trấn Vĩnh An,
huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai

(Kèm theo Quyết định số 978 /QĐ-UBND ngày 27 / 3 /2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên Dự án: “Nhà máy nước Vĩnh An, công suất 10.000m³/ngày.đêm”.
- Địa điểm thực hiện: Thị trấn Vĩnh An, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai.
- Chủ dự án đầu tư: Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai.
- Địa chỉ liên hệ: Số 48, đường Cách mạng tháng 8, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

- Phạm vi Dự án: Xây dựng Nhà máy nước Vĩnh An, công suất thiết kế 10.000 m³/ngày.đêm và hệ thống đường ống chính, mạng lưới đường ống dịch vụ cấp nước nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt đạt quy chuẩn QCVN 01-1:2018/BYT. Tổng diện tích dự án: 19.255m².

- Quy mô đầu tư: Công trình hạ tầng kỹ thuật – nhà máy nước, công trình xử lý nước sạch, cấp công trình cấp II, tổng công suất từ 10 ÷ < 30 nghìn m³/ngày.đêm.

- Nhóm Dự án: Nhóm C.

- Phạm vi đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại Quyết định này không bao gồm: các hoạt động đền bù, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư; khai thác và vận chuyển vật liệu san lấp, vật liệu xây dựng.

- Tọa độ các điểm mốc giới hạn khu đất thực hiện Dự án theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45’, múi chiều 3°:

Số hiệu mốc	Tọa độ hệ VN 2000, kinh tuyến trực 107°45’, múi chiều 3°	
	X (m)	Y (m)
1	1225861	423704
2	1225815	423769
3	1225777	423735
4	1225817	423664

1.3. Công nghệ sản xuất:

Dự án tiếp tục sử dụng công nghệ sản xuất hiện có, không có điều chỉnh, thay đổi (công nghệ sản xuất theo Giấy phép môi trường số 601/GPMT-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Cửu), cụ thể như sau: Nước hồ Trị An → công trình thu nước và trạm bơm cấp 1 → bể trộn → bể lắng → bể lọc → bể nước sạch → trạm bơm cấp 2 → mạng lưới tuyến ống phân phối nước sạch.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư:

1.4.1. Các hạng mục công trình:

a) Tiếp tục sử dụng các hạng mục công trình của Nhà máy hiện hữu đã được Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Cửu cấp Giấy phép môi trường số 601/GPMT-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2023; không điều chỉnh, thay đổi. Cụ thể:

- Hạng mục công trình chính: Trạm bơm cấp 2 hệ A; trạm bơm cấp 2 hệ B; khu xử lý nước hệ A; khu xử lý nước hệ B; bể chứa hệ A; bể chứa hệ B và các công trình phụ trợ.

- Hạng mục bảo vệ môi trường: Hồ lắng bùn, sân phơi bùn, cây xanh, khu vực lưu giữ chất thải nguy hại.

- Mạng lưới thu gom nước mưa, nước thải, bể tự hoại.

b) Bổ sung đầu tư mới, thuê mới một số thiết bị sau:

- Thay thế 01 máy bơm nước sạch 1A bằng 01 máy bơm với thông số kỹ thuật $Q = 100 \text{ m}^3/\text{h}$; $H = 50\text{m}$ cùng tủ điện, cáp điện và các phụ kiện kèm theo; cải tạo ống đẩy bơm nước sạch 1A, 2A, lắp đặt ống đẩy chung D200, lắp đặt ống truyền tải HDPE D225 đầu nối vào hệ thống tuyến ống hiện hữu;

- Trang bị mới 01 máy bơm nước thô hệ B với thông số kỹ thuật $Q = 191 \text{ m}^3/\text{h}$; $H = 37 \text{ m}$ cùng tủ điện, cáp điện và các phụ kiện kèm theo; cải tạo ống đẩy và đầu nối hệ thống tuyến ống hiện hữu phù hợp với thông số của bơm;

- Lắp đặt van chặn tuyến (D250), van thông minh (D250) để điều tiết mạng lưới tuyến ống;

- Thực hiện thuê, lắp đặt cụm đơn nguyên xử lý cung cấp nước công suất $Q = 3.000 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

c) Các hạng mục, công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường:

- 01 bể tự hoại có thể tích $V = 12 \text{ m}^3$ bố trí tại khu vực văn phòng để xử lý sơ bộ.

- 03 hồ lắng bùn có tổng kích thước $60\text{m} \times 28\text{m} \times 3,6\text{m}$ để thu gom nước thải từ quá trình xả đáy bể lắng và rửa lọc từ bể lọc.

- 01 kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 06 m^2 , có kết cấu nhà một tầng, có mái che, nền chống thấm, có tường bao quanh, có gờ chống tràn đổ hóa chất. Bên trong có trang bị 05 thùng chứa chất thải nguy hại có nắp đậy, được dán nhãn cảnh báo dung tích 120 lít để lưu giữ chất thải nguy hại.

- Chất thải sinh hoạt được thu gom và lưu giữ tại các thùng chứa có nắp đậy dung tích 120 lít.

1.4.2. Các máy móc, thiết bị chính của Dự án:

1.4.2.1. Tiếp tục sử dụng các máy móc, thiết bị của Nhà máy hiện hữu đã được Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Cửu cấp Giấy phép môi trường số 601/GPMT-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2023.

1.4.2.2. Các máy móc, thiết bị chính phục vụ hoạt động sản xuất của dự án được trình bày chi tiết trong bảng sau:

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng		
			Hiện hữu	Nâng công suất	Sau khi nâng công suất
1	Máy bơm nước sạch $Q=95\text{m}^3/\text{h}$; $H=36\text{m}$, (hệ A)	Cái	2	-1	1
2	Máy bơm nước sạch $Q=100\text{m}^3/\text{h}$; $H=50\text{m}$, (hệ A)	Cái	-	1	1
3	Máy bơm nước sạch $Q=46\text{m}^3/\text{h}$; $H=34\text{m}$, (hệ A)	Cái	1	-	1
4	Máy bơm nước thô $Q=191\text{m}^3/\text{h}$; $H=36\text{m}$, (hệ B)	Cái	3	-1	2
5	Máy bơm nước thô $Q=210\text{m}^3/\text{h}$; $H=36\text{m}$, (hệ B)	Cái	-	1	1
6	Máy bơm nước lọc $Q=95\text{m}^3/\text{h}$; $H=36\text{m}$, (hệ A)	Cái	2	-	2
7	Máy bơm nước lọc $Q=46\text{m}^3/\text{h}$; $H=34\text{m}$, (hệ A)	Cái	1	-	1
8	Máy bơm nước lọc $Q=46\text{m}^3/\text{h}$; $H=63\text{m}$, (hệ A)	Cái	1	-	1
9	Máy bơm nước lọc $Q=171\text{m}^3/\text{h}$; $H=34\text{m}$, (hệ B)	Cái	3	-	3
10	Máy bơm rửa lọc $Q=300\text{m}^3/\text{h}$; $H=20\text{m}$, (hệ A)	Cái	1	-	1
11	Máy bơm rửa lọc $Q=250\text{m}^3/\text{h}$; $H=13\text{m}$, (hệ B)	Cái	1	-	1
12	Máy thổi gió Enertech	Cái	1	-	1
13	Máy bơm vôi	Cái	2	1	3
14	Máy bơm phèn	Cái	2	1	3
15	Máy quậy vôi - phèn	Cái	3	-	3

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng		
			Hiện hữu	Nâng công suất	Sau khi nâng công suất
16	Máy bơm tiếp áp Clo	Cái	02	-	02
17	Máy châm clo Hydro series 800 model: 861C Q= 0-1 kg/giờ	Cái	01	-	01
18	Máy phát điện Aska	Cái	01	-	01

1.4.3. Hoạt động của Dự án đầu tư

- Giai đoạn thi công xây dựng: Lắp đặt cụm bể xử lý trộn, phản ứng, lắng, lọc kết hợp hệ thống hút bùn bằng thép epoxy có công suất 3.000m³/ngày.đêm bao gồm 02 đơn nguyên mỗi đơn nguyên 1.500m³/ngày.đêm.

- Giai đoạn vận hành: Hoạt động bảo trì, duy tu các hạng mục của Dự án.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường: Không có dòng thải xả thải vào hồ Trị An.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị:

Hoạt động xây dựng, vận chuyển, lắp đặt máy móc, thiết bị của Dự án, phát quang thực vật, giải phóng chuẩn bị mặt bằng thi công, đào đắp san nền, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, phế thải phát sinh tiếng ồn, độ rung, bụi, khí thải; nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, nước mưa chảy tràn; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại; ảnh hưởng đến cảnh quan khu vực, hoạt động giao thông đường bộ, tiềm ẩn sự cố tai nạn lao động, sự cố cháy nổ, sự cố ngập úng.

2.2. Giai đoạn hoạt động:

- Hoạt động của nhà máy nước Vĩnh An phát sinh bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, tiếng ồn và độ rung.

- Hoạt động sinh hoạt của người lao động làm việc tại Dự án phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt.

- Hoạt động của các phương tiện vận chuyển ra vào Dự án phát sinh tiếng

ồn, độ rung, bụi và khí thải.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công xây dựng Dự án:

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải, nước mưa chảy tràn:

Tổng lượng nước thải phát sinh lớn nhất trong giai đoạn thực hiện thi công xây dựng khoảng $0,45 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần ô nhiễm chính: TSS, Amoni (tính theo Nitơ), dầu mỡ động thực vật, Photphat (tính theo Photpho), Tổng coliforms,...

Nước mưa chảy tràn trên bề mặt khu vực xây dựng nhà máy và khu vực trạm bơm cuốn theo các loại đất, cát, vật liệu xây dựng như xi măng, vôi vữa...; lưu lượng ngày mưa lớn nhất khoảng $0,07 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất bụi, khí thải:

- Bụi do hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đào bóc đất hữu cơ; bụi do đào đắp đất và thi công công trình.

- Khí thải từ các loại máy móc, thiết bị hoạt động trên khu vực Dự án và phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, thi công xây dựng; thành phần khí thải chủ yếu là: CO_x , NO_x , SO_2 , HC,...

3.1.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng, thành phần chủ yếu là thực phẩm thừa, vỏ chai lon, túi ni lông,...; khối lượng khoảng $15 \text{ kg}/\text{ngày}$.

- Chất thải rắn xây dựng gồm:

+ Khối lượng đất đào khoảng 200 m^3 .

+ Vỏ bao bì xi măng: Khoảng $100 \text{ kg}/\text{thời gian thi công}$:

+ Sắt thép vụn, ván cốt pha, bê tông hư hỏng: Khoảng $0,5 \text{ tấn}/\text{thời gian thi công}$.

3.1.4. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

Phát sinh từ quá trình thi công xây dựng (giẻ lau dính dầu mỡ, dầu mỡ thải,...) và từ khu vực lán trại công nhân (pin thải, bóng đèn huỳnh quang,...): Khối lượng khoảng $2 \text{ kg}/\text{tháng}$.

3.1.5. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung, ô nhiễm khác và sự cố môi trường:

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng và từ thiết bị, phương tiện, máy móc thi công trên công trường.

- Sự cố cháy nổ, sét đánh, điện giật; sự cố tai nạn lao động, sự cố bom mìn và hoạt động thi công; sự cố cháy rừng; sự cố mưa, bão, ngập lụt.

3.2. Giai đoạn dự án đi vào hoạt động:

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải, nước mưa chảy tràn:

Nước thải sinh hoạt (từ nhà vệ sinh, từ khu vực rửa tay), lưu lượng khoảng $0,45 \text{ m}^3/\text{ngày}$ được thu gom bằng hệ thống ống PVC D114mm về bể tự hoại có thể tích $V=12 \text{ m}^3$ bố trí tại khu vực văn phòng để xử lý sơ bộ. Sau đó, Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý lượng bùn bể tự hoại,

đồng thời cam kết không xả nước thải sinh hoạt ra môi trường.

Nước thải sản xuất gồm nước xả đáy bể lắng và nước rửa lọc từ bể lọc với lưu lượng 100m³/ngày, được thu gom về 03 hồ lắng bùn có tổng kích thước 60m x 28m x 3,6m sau đó được tuần hoàn về bể tiếp nhận để tiếp tục xử lý và không xả thải ra môi trường.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, mùi hôi, khí thải:

- Bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông ra vào khu vực Dự án; thành phần chủ yếu là: Bụi, CO_x, NO_x, SO₂, HC,...

- Mùi hôi từ điểm tập kết chất thải rắn của dự án, từ mương rãnh thoát nước thải.

3.2.3. Nguồn phát sinh quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Thành phần gồm thức ăn thừa, bao bì, đồ hộp đựng thực phẩm, bao nylon, giấy...: khối lượng ước tính khoảng 1.825 kg/năm.

- Bùn, cặn từ hệ thống xử lý nước cấp, phát sinh khoảng 39.000 kg/năm. Thành phần gồm bùn, đất, cát,...

- Bùn cặn từ bể tự hoại khoảng 312 kg/năm.

- Các loại bao bì nhựa thải ước tính khoảng 48 kg/năm.

- Giấy từ khu vực văn phòng ước tính khoảng 84 kg/năm.

3.2.4. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

Phát sinh trong quá trình hoạt động của nhà máy (giẻ lau dính dầu mỡ, dầu mỡ thải..., pin thải, bóng đèn huỳnh quang, thiết bị linh kiện điện tử...) với khối lượng khoảng 41 kg/năm.

3.2.5. Tiếng ồn, độ rung, ô nhiễm khác và sự cố môi trường:

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy phát điện dự phòng và các phương tiện giao thông ra vào Dự án (xe máy, ô tô,...).

- Sự cố cháy nổ, sét đánh; sự cố mưa, bão, ngập lụt, sụt lún, rạn nứt công trình.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư

4.1. Giai đoạn thi công xây dựng công trình:

4.1.1. Công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, nước mưa chảy tràn:

- Nguồn tiếp nhận nước mưa chảy tràn: hồ Trị An, huyện Vĩnh Cửu.

- Nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng: hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý.

- Nước thải xây dựng: Thời gian thi công ngắn từ 3-5 ngày nên khối phát sinh nước thải không đáng kể.

- Nước mưa chảy tràn: Được thu gom bằng hệ thống thoát nước mưa của nhà máy hiện hữu, dọc tuyến có bố trí hố ga lắng cặn, tách rác trước khi chảy ra mương thoát nước của khu vực và thoát ra nguồn tiếp nhận.

4.1.2. Công trình và biện pháp xử lý bụi, khí thải:

- Vào những ngày thi công trời không mưa tiến hành phun nước tưới ẩm tối thiểu 02 lần/ngày tại khu vực công trường thi công và dọc tuyến thi công

đường ống; xịt rửa bánh xe trước khi ra khỏi công trường.

- Các kho, bãi chứa vật liệu xây dựng được bố trí tại khu vực khô ráo, kín để hạn chế bụi phát tán vào không khí khi có gió.

- Các phương tiện thi công, vận chuyển phải kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ, đăng kiểm, đăng ký tình trạng máy móc đầy đủ; không chở quá trọng tải quy định, phủ bạt để tránh rơi vãi.

4.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Thu gom, phân loại vào thùng chứa (dung tích khoảng 120 lít/thùng) của nhà máy hiện hữu.

- Chất thải rắn xây dựng:

- + Vỏ bao xi măng, sắt thép vụn: Được thu gom về khu vực kho chứa vật liệu xây dựng trên công trường và bán phế liệu.

- + Ván cốp pha, cọc chống hông: Cho người dân trong vùng hoặc công nhân đưa về sử dụng.

4.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và lưu trữ vào thùng chuyên dụng (dung tích khoảng 120 lít/thùng, có nắp đậy kín, dán nhãn cảnh báo chất thải nguy hại) của nhà máy hiện hữu; hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

4.1.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung, ô nhiễm khác và sự cố môi trường:

Thực hiện đầy đủ theo nội dung báo cáo ĐTM, trong đó lưu ý bố trí thời gian thi công hợp lý, không thi công ở các giờ nghỉ ngơi của người dân đoạn qua khu dân cư để tránh gây ồn, rung; hạn chế vận chuyển nguyên vật liệu vào giờ cao điểm, đặc biệt khi đi qua khu dân cư hoặc vào giờ nghỉ; định kỳ bảo dưỡng và bố trí thời gian hoạt động phù hợp của các thiết bị phương tiện.

4.1.6. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

- Xây dựng nội quy công trường, lắp đặt rào tôn cách ly, các biển báo công trường đang thi công; lắp đặt cọc tiêu và đèn báo đảm bảo tiêu chuẩn.

- Bố trí kế hoạch thi công phù hợp, tránh thi công vào những ngày mưa bão, lũ; kiểm tra, che chắn, chằng buộc, di dời về nơi an toàn các hạng mục công trình, máy móc thi công có thể bị hư hại do điều kiện thời tiết bất lợi.

4.2. Giai đoạn dự án đi vào hoạt động:

4.2.1. Công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, nước mưa chảy tràn:

- Nguồn tiếp nhận nước mưa chảy tràn: Hồ Trị An, huyện Vĩnh Cửu.

- Đối với nước thải sinh hoạt: Hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý.

- Nước thải sản xuất (chủ yếu là cặn lơ lửng, không có hóa chất độc hại, không có vi sinh vật gây bệnh): Xử lý bằng biện pháp lắng cơ học tại 03 hồ lắng

căn có thể tích lần lượt là 144 m^3 ; 144 m^3 ; 400 m^3 với kích thước $D_1 \times R_1 \times H_1 = 20\text{m} \times 9\text{m} \times 0,8\text{m}$; $D_2 \times R_2 \times H_2 = 20\text{m} \times 9\text{m} \times 0,8\text{m}$; $D_3 \times R_3 \times H_3 = 20\text{m} \times 10\text{m} \times 2\text{m}$. Nước thải sau xử lý được bơm về bể trộn của quá trình xử lý nước cấp (bùn tại hồ lắng bùn được đưa về sân phơi bùn), không xả ra môi trường.

Quy trình xử lý: Nước thải rửa lọc từ bể lọc và nước xả từ bể lắng → Công BTCT D600 → Hồ lắng bùn → Bơm tuần hoàn về bể trộn → Hệ thống xử lý nước cấp.

- Nước mưa chảy tràn trên khu vực nhà máy được thu gom vào hệ thống mương thoát nước mưa hai bên lề đường nội bộ, giữa các công trình và xung quanh khuôn viên, dọc mương thoát có bố trí các hố ga để xử lý nước mưa bằng phương pháp lắng cơ học rồi chảy ra mương thoát nước nội đồng trên khu vực, cuối cùng đổ vào nguồn tiếp nhận.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường

+ Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng phát sinh trong quá trình thi công xây dựng đảm bảo đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về môi trường hiện hành, chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt, cam kết không xả thải ra môi trường.

+ Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, mùi hôi, khí thải:

- Trồng cây xanh trong khuôn viên Nhà máy theo quy hoạch được duyệt để hạn chế ô nhiễm không khí và tạo cảnh quan cho nhà máy.

- Thường xuyên vệ sinh sạch sẽ khuôn viên Nhà máy; sắp xếp bố trí, che chắn các thùng chứa chất thải, hợp đồng thu gom, vận chuyển xử lý chất thải đảm bảo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

+ Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh bởi Dự án trong giai đoạn thi công xây dựng và vận hành; đáp ứng các điều kiện về vệ sinh môi trường, QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

+ Thực hiện đầy đủ các biện pháp kiểm soát, giảm thiểu mùi hôi, không phát tán mùi hôi khó chịu hoặc gây ô nhiễm môi trường (trong đó đặc biệt cần kiểm soát các nguồn phát mùi hôi tại kho chứa chất thải, các điểm thu gom, các bể chứa của hệ thống xử lý nước thải của Dự án).

+ Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn chuẩn bị thi công xây dựng và vận hành; đáp ứng các điều kiện về vệ sinh môi trường và đảm bảo không gây tác động xấu đến môi trường không khí xung quanh.

4.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt: Thu gom, phân loại vào 03 thùng chứa (dung

tích khoảng 20 lít/thùng) có nắp đậy và được xử lý như sau:

+ Đối với chất thải có nguồn gốc kim loại, nhựa, giấy như các lon, vỏ chai, bìa, giấy loại..., định kỳ bán phế liệu.

+ Đối với chất thải dễ phân huỷ như thức ăn, rau củ quả hỏng... cho người dân làm thức ăn chăn nuôi.

+ Đối với các loại chất thải còn lại không có khả năng tái sử dụng, tái chế được thu gom vào thùng đựng; hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

- Chất thải rắn phát sinh trong quá trình bảo trì, bảo dưỡng hệ thống (bao bì nilon, ống nhựa, thiết bị hư hỏng...): Được thu gom, phân loại vào 02 thùng chứa (dung tích khoảng 120 lít/thùng), được phân loại, xử lý như sau:

+ Đối với chất thải có khả năng tái chế như nhựa, kim loại... định kỳ bán phế liệu.

+ Đối với chất thải không có khả năng tái chế: Thu gom vào thùng; hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thực hiện, giám sát, quản lý chặt chẽ, bảo đảm toàn bộ chất thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và lưu trữ vào thùng chuyên dụng (dung tích khoảng 120 lít/thùng, có nắp đậy kín, dán nhãn cảnh báo chất thải nguy hại); hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, giám sát, quản lý bảo đảm toàn bộ xử lý chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của Dự án đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

4.2.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung, ô nhiễm khác và sự cố môi trường: Thực hiện đầy đủ theo nội dung báo cáo ĐTM, trong đó lưu ý: Lắp các đế chống ồn, chống rung tại các máy móc, thiết bị có công suất lớn; bố trí các máy móc thiết bị có khoảng cách phù hợp.

4.2.6. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

Xây dựng và thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường khác theo quy định của pháp luật.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án đầu tư

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng Dự án:

5.1.1. Giám sát chất lượng môi trường không khí, tiếng ồn:

- Vị trí lấy mẫu: 01 vị trí
- + 01 vị trí tại khu vực thi công lắp đặt máy móc thiết bị
- Thông số quan trắc (02 thông số): Bụi lơ lửng, Tiếng ồn;
- Tần suất giám sát: 01 tháng/lần, tại vị trí đang thi công xây dựng;
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí.

5.1.2. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

- Vị trí giám sát: Tại khu vực thu gom, tập kết, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.
- Nội dung giám sát: Thực hiện phân định, phân loại, thu gom và chuyển giao các loại chất thải (chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại) cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.
- Tần suất giám sát: Thường xuyên trong thời gian thi công xây dựng.

5.1.3. Giám sát sụt lún, sụt lún, rạn nứt, bồi lắng, xói mòn, cháy nổ,... tại công trình, khu vực thi công:

Tần suất giám sát: Thường xuyên trong suốt quá trình thi công, khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước.

5.2. Giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:

Theo khoản 2 Điều 111, khoản 2 Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; điểm a khoản 1 Điều 97, điểm a khoản 1 Điều 98 và các Phụ lục số XXVIII, XXIX, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; khoản 5 Điều 21 và mẫu số 04 phụ lục II Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) thì Dự án không phải thực hiện quan trắc môi trường xung quanh, nước thải, bụi và khí thải. Tuy nhiên để đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường trong quá trình vận hành Dự án, Chủ dự án/ đơn vị quản lý vận hành Dự án có trách nhiệm thực hiện công tác vệ sinh môi trường và giám sát việc quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải khác theo quy định:

- Vị trí giám sát: Tại vị trí lưu giữ, tập kết chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại và chất thải khác phát sinh trong khu vực Dự án.
- Nội dung giám sát: Khối lượng chất thải phát sinh; phân định, phân loại và quá trình thu gom, lưu giữ, chuyển giao xử lý chất thải theo quy định và việc vận

hành hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường như sau:

- Tuân thủ các quy định phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động và hóa chất, vệ sinh công nghiệp; ứng cứu kịp thời sự cố môi trường trong quá trình thực hiện Dự án.

- Đảm bảo sự phù hợp của Dự án với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương và các quy hoạch khác có liên quan theo đúng quy định của pháp luật.

- Khoanh định ranh giới của Dự án và chỉ được tiến hành xây dựng các hạng mục công trình của Dự án trên diện tích đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về giao thông, đất đai, tài nguyên nước, hóa chất và bảo vệ môi trường trong mọi hoạt động triển khai xây dựng và vận hành của Dự án.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến hệ sinh thái, cảnh quan, môi trường và các hoạt động kinh tế dân sinh khác khu vực Dự án trong quá trình thi công lắp đặt máy móc, thiết bị.

- Thực hiện quản lý chặt chẽ, đảm bảo toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của Dự án đều được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản có liên quan.

- Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn, úng ngập do việc thực hiện Dự án; xây dựng, đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi, tiếng ồn, độ rung, nước thải, chất thải rắn đảm bảo đáp ứng quy chuẩn môi trường liên quan và không gây tác động xấu đến môi trường; chương trình giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết; đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.

- Thực hiện chương trình giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác như đã đề xuất; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

- Lập hồ sơ môi trường sau khi được phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

- Đảm bảo kinh phí để thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường.

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện Dự án và bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Thực hiện giám sát môi trường lao động theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai Dự án; đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường vào dự án đầu tư, dự án đầu tư xây dựng; chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin, số liệu trong báo cáo; đặc biệt về kết quả quan trắc môi trường và danh sách cán bộ phân tích, thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường./.